

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN U MINH
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **64/2020/HNGĐ-ST**
Ngày 11-8-2020
V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN U MINH, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Ý

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trịnh Hữu Hiệp

Ông Trần Công Đăng

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Lụa là Thư ký Tòa án nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau.

Ngày 11 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 119/2020/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 5 năm 2020 về việc Tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 59/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 6 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Bùi Thị Anh T, sinh năm 2000 (có mặt).

Địa chỉ cư trú: Khóm 3, thị trấn U, huyện U, tỉnh Cà Mau.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Vũ B, sinh năm 1996 (vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: Ấp 16, xã N, huyện U, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn chị Bùi Thị Anh T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Vũ B tự nguyện chung sống với nhau có đăng ký kết hôn vào ngày 01/4/2019 tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện U, tỉnh Cà Mau. Do vợ chồng có nhiều mâu thuẫn trong cuộc sống, nhiều ý kiến bất đồng, thường xuyên cự cãi. Mâu thuẫn vợ chồng ngày càng gay gắt và trầm trọng không thể hàn gắn được, chị và anh B đã ly thân từ ngày 15/3/2020 đến nay. Chị nhận thấy cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu ly hôn với anh B.

Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án đã tổng đạt các văn bản tố tụng cho bị đơn đúng theo quy định pháp luật nhưng anh Nguyễn Vũ B không có văn bản thể hiện ý kiến của mình đối với yêu cầu của chị T và cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh Nguyễn Vũ B đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa sơ thẩm nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh B.

[2] Về quan hệ pháp luật: Tranh chấp giữa các đương sự được xác định là tranh chấp ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện U Minh theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung: Chị Bùi Thị Anh T và anh Nguyễn Vũ B tự nguyện xác lập quan hệ hôn nhân và có đăng ký kết hôn ngày 01/4/2019 tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện U, tỉnh Cà Mau nên quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh B là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ.

Xét yêu cầu ly hôn của chị Bùi Thị Anh T, thấy rằng: Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa, chị T yêu cầu được ly hôn với anh B vì vợ chồng bất đồng ý kiến, mâu thuẫn gay gắt, không thể chung sống với nhau được nữa. Đối với anh B, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng anh B đều vắng mặt tại các phiên hòa giải và xét xử, không có ý kiến đối với yêu cầu của chị T. Điều này cho thấy mâu thuẫn giữa chị T và anh B đã trầm trọng, tình nghĩa vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị T về việc xin ly hôn với anh B.

Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Chị T trình bày là không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, đối với anh B không có văn bản thể hiện ý kiến nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Về án phí sơ thẩm: Chị T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 4 Điều 147, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Bùi Thị Anh T xin ly hôn với anh Nguyễn Vũ B.

- Về án phí: Chị Bùi Thị Anh T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng. Chị T đã nộp tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tiền số 0004948 ngày 04/5/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện U, tỉnh Cà Mau được chuyển thu.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Chị T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh B có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết công khai bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện U Minh;
- Chi cục THADS huyện U;
- UBND xã N, huyện U;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ vụ án, văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Hồng Ý